

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PH
TỈNH HẬU GIANG

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 02 - 2024
V/v “Không công nhận quan hệ
vợ chồng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.
Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thế Tự;
- Ông Nguyễn Văn Dương.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 694/2023/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HN, ngày 24 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Đỗ Thị D**, sinh năm 1974.
Địa chỉ: ấp H, thị trấn K, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.
Chỗ ở: ấp 10, xã V, huyện T, tỉnh Hậu Giang.
 - Bị đơn: **Ngũ Văn C**, sinh năm 1969.
Địa chỉ: ấp H, thị trấn K, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.
- Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn **Đỗ Thị D** (Sau đây gọi là bà D) trình bày:

Giữa bà và bị đơn **Ngũ Văn C** (Sau đây gọi là ông C) qua tìm hiểu nhau, tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi vã nhau, đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: Xin ly hôn với ông C.

-Về con chung: Có hai người con chung nhưng đều đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu xem xét về quyền nuôi con.

-Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn Ngã Văn C có lời trình bày: Thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân. Thời gian ly thân là khoảng giữa năm 2023. Nếu bà D cương quyết xin ly hôn thì ông cũng đồng ý. Về con chung: Có hai người con chung nhưng đều đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu xem xét về quyền nuôi con. Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông C tự nguyện tiến tới đời sống chung như vợ chồng vào năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hôn nhân không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà D: Trong thời gian chung sống giữa bà và ông C phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nhưng không có biện pháp để hòa giải đoàn tụ mà đã chọn cách sống ly thân, xét thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tạo điều kiện để hai người được đoàn tụ và tiến tới đăng ký kết hôn theo quy định nhưng ông C xác định nếu bà D cương quyết xin ly hôn thì ông cũng đồng ý. Từ đó thấy rằng hôn nhân giữa ông, bà đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, do hôn nhân giữa ông, bà không đăng ký kết hôn nên khi có yêu cầu ly hôn; Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình: Không công nhận ông C, bà D là quan hệ vợ chồng.

[4] Về con chung: Có hai người con chung nhưng đều đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét về quyền nuôi con chung.

[5] Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 14, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đỗ Thị D và ông Ngũ Văn C.

2. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006292, ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không ai phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
- UBND TT K, h.PH; t.Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Liêm